

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-ST
Ngày: 24-11-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm
- Ông Lục Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đông H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 150 (Số cũ: 1353/2), Đường ĐX 92, Tổ 98, Khu 4, phường H, thành phố T, tỉnh B; xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hanapi, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 26, N, phường P, thành phố T, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2021); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 183/7, Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 183/7, Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2021; đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 6 năm 2022; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hanapi trình bày:

Ông Phan Đông H và ông Nguyễn Văn A có quen biết với nhau từ trước. Do ông A đang gặp khó khăn nên ngày 13/11/2019, ông A có vay của ông H số tiền

600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay là 12 tháng. Việc vay tiền giữa ông A và ông H được lập thành văn bản, ông A có ký tên, ghi rõ họ tên và lấn tay ở phía bên người vay. Để đảm bảo cho việc vay tiền, ông A có đưa cho ông H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số vào sổ 04014 QSDĐ/9422 QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 29/11/2004. Đến thời hạn trả tiền, ông Phan Đông H nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn A trả tiền nhưng ông A không thực hiện nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn A trả lại số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019.

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn A trả số tiền lãi tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày 24/11/2022 là 23 tháng 20 ngày x 600.000.000 đồng x 10%/năm = 118.333.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ, ông Phan Đông H cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019.

Nguyên đơn ông Phan Đông H có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ban đầu ông H chỉ yêu cầu ông A phải trả 600.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông A không hợp tác, trốn tránh không đến Tòa án. Ông A không có thiện chí trả nợ nên ông H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông A phải trả lãi của số tiền 600.000.000 đồng từ ngày 13/12/2020 đến khi thi hành án xong với lãi suất là 10%/01 năm.

Ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà Đoàn Thị N không biết ông Phan Đông H. Việc vay mượn tiền giữa ông H và ông A thì bà N không biết và không có liên quan. Bà N và ông A không còn sống chung với nhau đã lâu do ông A có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Việc ông A thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để vay tiền thì bà N không biết. Thời điểm ông A vay tiền của ông H không có sự đồng ý và xác nhận của bà N. Bà N yêu cầu Tòa án buộc ông A giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét thấy nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của ông Phan Đông H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Đông H khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Văn A cư trú tại khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt lần thứ 2, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông A.

Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với số tiền gốc: Ông Phan Đông H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn A trả số tiền gốc đã vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019 và tiền lãi tính từ ngày 13/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, ông A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông H. Do ông A không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 03/2022/QĐ-TCGD ngày 05/7/2022 yêu cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương thực hiện việc giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Nguyễn Văn A trong “Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019” so sánh với mẫu chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên tờ khai và chỉ bản chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn A. Tại Kết luận giám định số 306/KL-KTHS(TL) ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận dấu vân tay trên 02 tài liệu nêu trên là của cùng một người in ra. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn A có vay của ông Phan Đông H số tiền gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Đối với tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền gốc 600.000.000 đồng với lãi suất 10%/ năm, thời gian tính lãi từ ngày 13/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/11/2022) là 600.000.000 đồng x 10%/năm x 23 tháng 20 ngày = 118.333.000 đồng (một trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng). Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U31, số vào sổ 04014 QSDĐ/9422 QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 29/11/2004:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định ông Phan Đông H đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Theo điểm a khoản 3 Điều 167, điểm g khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013 việc thế chấp quyền sử dụng đất phải có hợp đồng được công chứng, phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Ông H giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 04014 QSDĐ/9422 QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 29/11/2004 cấp cho hộ ông A là không đúng quy định pháp luật nên cần trả lại cho ông A.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đông H là có cơ sở chấp nhận.

Về chi phí giám định: Do yêu cầu của ông Phan Đông H được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn A phải chịu toàn bộ chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông A phải chịu toàn bộ án phí; ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đông H đối với ông Nguyễn Văn A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Đông H số tiền gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 24/11/2022 là 118.333.000 đồng (một trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng); tổng cộng là 718.333.000 đồng (bảy trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc ông Nguyễn Văn A trả lại cho ông Phan Đông H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 04014 QSDĐ/9422 QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 29/11/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn A.

3. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm hoàn lại số tiền 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Phan Đông H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Đông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.241.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005416 ngày 20/6/2022 và số tiền 14.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004254 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 32.733.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thế Thị Ngọc Anh